

Số: 282/2022/QĐST-HNGĐ

Quận 5, ngày 29 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 221/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022, giữa:

Ông Nguyễn Đức D, năm sinh: 1985; địa chỉ thường trú: phường A, Thị xã B, tỉnh C; địa chỉ liên hệ: 61 đường D, Phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh;

Bà Nguyễn Thị Mai T, sinh năm 1987; địa chỉ thường trú: Phường G, Thị xã B, tỉnh C; tạm trú: 78 đường H, Phường I, Quận J, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55,58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Đức D và bà Nguyễn Thị Mai T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đức D và bà Nguyễn Thị Mai T thuận tình ly hôn. Giấy chứng nhận kết hôn số 09/2013, quyền số 01/2013 do Ủy ban nhân dân phường Tây Sơn, Thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai cấp ngày 04/02/2013 không còn giá trị pháp lý.

2.2. Về con chung: Ông Nguyễn Đức D và bà Nguyễn Thị Mai T có 01 con chung là Nguyễn Gia P (nam), sinh ngày 02/02/2016. Các bên thống nhất bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông D không cấp dưỡng nuôi con.

Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi.

2.3. Về tài sản chung: Ông Nguyễn Đức D và bà Nguyễn Thị Mai T cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Ông Nguyễn Đức D và bà Nguyễn Thị Mai T cùng xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Ông Nguyễn Đức D tự nguyện chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0010003 ngày 12/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh. Trả lại cho ông D số tiền chênh lệch là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

2.6. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục Phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 5;
- Chi cục THADS Quận 5;
- Cơ quan cấp giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Bích Thảo